

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC DÂN TỘC THiểu SỐ Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN NƯỚC TA HIỆN NAY

PHẠM QUANG LINH\*

**Tóm tắt:** Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cùng chung sống. Các dân tộc thiểu số (DTTS) chủ yếu sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Tại mỗi khu vực biên giới, đa phần các tộc người đều có mối quan hệ thân tộc, đồng tộc với phía bên kia biên giới. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của các DTTS ở khu vực biên giới vẫn đang ở mức độ thấp so với các vùng khác. Trong những năm trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát, xu hướng chung ở khu vực biên giới là sự gia tăng tần suất di cư làm ăn xuyên biên giới. Hiện nay, đối với đồng bào DTTS sinh sống tại khu vực vùng biên giới, đất đai vẫn đang là yếu tố quan trọng nhất, quyết định mạnh mẽ tới cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, tại một số nơi vẫn còn tình trạng người dân thiếu đất sản xuất hoặc có mâu thuẫn liên quan tới đất đai. Vì vậy, trong quá trình phát triển và hội nhập hiện nay, Nhà nước cần tập trung đầu tư các nguồn lực cùng các chính sách có tính đột phá, nhất là các chính sách liên quan tới đất đai để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới nhằm đảm bảo cho người dân nơi đây có cuộc sống ổn định, từ đó thiết lập nền tảng vững chắc cho khu vực biên cương của Tổ quốc.

**Từ khóa:** Dân tộc thiểu số, quan hệ tộc người, khu vực biên giới, liên / xuyên biên giới.

## Mở đầu

Đối với những quốc gia đa dân tộc trên thế giới, dân tộc và biên giới luôn là những vấn đề được lưu tâm đặc biệt bởi tầm quan trọng và phức tạp của chúng. Trong bối cảnh ngày nay, hai vấn đề trên

ngày càng trở nên cấp thiết, ngày càng nhận được sự quan tâm sâu sắc, nhất là khi quá trình hội nhập và toàn cầu hóa đang trở thành xu hướng chủ đạo của thời đại. Là một quốc gia đa dân tộc, qua các thời kỳ lịch sử cùng chung sống trên lãnh

---

\* TS. Phạm Quang Linh, Viện Dân tộc học

thổ Việt Nam, các thành phần dân tộc nước ta tuy có những đặc điểm riêng nhưng luôn có truyền thống đoàn kết, kề vai sát cánh, gắn bó chặt chẽ với quốc gia - dân tộc Việt Nam. Các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam chủ yếu cư trú ở khu vực miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Đây cũng là những địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái, an ninh và quốc phòng.

Việt Nam có đường biên giới chung với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào ở phía Tây và với Campuchia ở phía Tây - Nam, có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển và hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trong suốt quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng và phát triển quốc gia - dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm đầu tư cho sự phát triển của vùng biên giới và các dân tộc ở nơi đây bằng việc đề ra và thực thi có hiệu quả nhiều chính sách mang tính cụ thể, toàn diện. Tuy nhiên, tới thời điểm hiện tại, các DTTS vùng biên giới Việt Nam vẫn đang phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức như: đời sống của người dân ở một số địa bàn vẫn còn gặp khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao hơn so với các vùng khác; sự chênh lệch trình độ phát triển giữa các khu vực biên giới với sự phát triển chung của cả nước và các vùng khác trong nội địa; sự không đồng đều giữa các tộc người và giữa các vùng biên giới<sup>(1)</sup>.

Bài viết tập trung phân tích một số khía cạnh về đặc điểm cấu trúc dân tộc/tộc người và sự di chuyển cư, hoạt động kinh tế và sử dụng đất đai, văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta trong bối cảnh hiện nay.

## **1. Đặc điểm cấu trúc dân tộc/tộc người và sự di chuyển cư ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta**

Hiện nay, tại các khu vực biên giới trên đất liền nước ta tiếp giáp với ba nước láng giềng là địa bàn sinh sống của các DTTS thuộc các ngữ hệ và các nhóm ngôn ngữ khác nhau. Cơ cấu tộc người và sự phân bố cư trú của các tộc người thiểu số tại ba khu vực biên giới rất đa dạng và có sự khác biệt rõ rệt. Tại các địa bàn thuộc vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, cư trú chủ yếu là các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kadai; nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao; nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến; nhóm ngôn ngữ Hán... Tại các địa bàn thuộc tuyến biên giới Việt Nam - Lào, cư trú chủ yếu là các tộc người Thái, Hmông, Dao, nhiều tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer. Tại các khu vực thuộc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia là địa bàn sinh sống của một số tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, Mã Lai - Đa Đảo, Hán. Tuy có nguồn gốc và lịch sử tộc người khác nhau, nhưng các tộc người ở hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia vẫn có quan hệ giao thoa, tiếp xúc văn hóa với nhau thường xuyên. Đáng chú ý, nhiều tộc người thiểu số ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta cũng có người đồng tộc, thân tộc cư trú ở một số nước của châu Á và các châu lục khác. Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái ngoài Việt Nam còn có đồng tộc cư trú ở Nam Trung Quốc, ở Thái Lan, Lào, Myanmar, Campuchia, Malaysia,... Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer ngoài Việt Nam còn có nhiều đồng tộc ở Nam Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia, Indonesia, Đông Bắc Ấn

Độ. Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao ngoài Việt Nam còn có nhiều đồng tộc sinh sống ở Nam Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Myanmar, Mỹ, Canada, Australia,... Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Nam - Đảo, ngoài Việt Nam, còn có nhiều đồng tộc cư trú ở Malaysia, Campuchia, Indonesia, Philippines, Đài Loan, Châu Đại Dương...<sup>(2)</sup>.

Bên cạnh đó, cấu trúc thành phần tộc người và cấu trúc dân cư ở vùng dân tộc nói chung, tại các địa bàn vùng biên giới nước ta tiếp giáp với ba nước láng giềng nói riêng đã và đang có sự biến động, thay đổi vì những nguyên do khác nhau. Biểu hiện rõ rệt của sự biến động, thay đổi đó là một bộ phận đáng kể đồng bào DTTS đã di cư tự do trong nội vùng, liên vùng và xuyên biên giới/ xuyên quốc gia. Hiện tượng di dân tự do hay di dân tự phát của một số DTTS từ các tỉnh biên giới phía Bắc vào các tỉnh Tây Nguyên diễn ra từ những năm 80 - 90 của thế kỷ trước và đã được một số tác giả nghiên cứu từ các chiều cạnh: thực trạng, nguyên nhân, tác động, xu hướng<sup>(3,4,5)</sup>. Không chỉ ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào tình hình di cư tự do xuyên biên giới cũng đặt ra nhiều vấn đề, tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, nhất là ở các tỉnh Điện Biên, Sơn La<sup>(6)</sup>. Hai nguyên nhân chính khiến người DTTS ở vùng biên di cư xuyên biên giới là vì thiếu đất sản xuất và mong muốn có thu nhập cao hơn. Bên cạnh đó, còn có các lý do khác như "được ở gần người cùng dân tộc", do "có người rủ đi cùng", một số chính sách chưa được triển khai ở địa phương...<sup>(7)</sup>. Từ năm 1986, một số đồng bào DTTS ở Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ vẫn tiếp tục di cư ra nước ngoài, một số lấy

Campuchia làm điểm chuyển tiếp để từ đó sang Thái Lan, hoặc qua Âu - Mỹ, Nhật Bản, Australia<sup>(8)</sup>.

Tình trạng di cư và nhập cư tự do xuyên biên giới/ xuyên quốc gia của một số tộc người thiểu số đã, đang diễn ra tại ba tuyến biên giới, tạo ra những mối quan hệ liên quan đến sự liên kết, cố kết đồng tộc, đồng tôn giáo, làm nảy sinh những phức tạp liên quan đến quan hệ dân tộc, tranh chấp đất đai, tệ nạn xã hội... Sự xuất hiện của nhiều người lao động nước ngoài đang sinh sống, làm việc tại các dự án, các công ty không chỉ ở sâu trong nội địa mà còn ngay tại khu vực biên giới, cửa khẩu là những vấn đề khiến chúng ta cần phải quan tâm và nghiên cứu<sup>(9)</sup>.

## **2. Vấn đề kinh tế tộc người ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta**

Trong sản xuất, tuy mỗi dân tộc có những đặc điểm riêng, nhưng nhìn chung hầu hết các DTTS ở ba khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia hiện nay đều có sinh kế chính gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp, trong đó trồng trọt là chủ đạo kết hợp với chăn nuôi, làm vườn, trồng rừng và bảo vệ rừng... Một số dân tộc có tập quán định canh, định cư từ lâu đời, có truyền thống canh tác nông nghiệp lúa nước, có trình độ thâm canh cao như người Thái, Tày, Nùng, Chăm, Khmer... Trong khi đó nhiều dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer sinh sống theo tuyến biên giới Việt Nam - Lào có tập quán canh tác nương rẫy theo hình thức hươu canh, luân khoảnh<sup>(10)</sup>. Một số dân tộc ở các tỉnh biên giới phía Bắc nổi tiếng với truyền thống trồng trọt trên đất dốc, nhất



là canh tác ruộng bậc thang, trồng trọt trên nương thổ canh hốc đá như người Hà Nhì, Hmông, Dao.

Trong những năm gần đây, dưới tác động của những yếu tố khách quan và chủ quan, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tại ba khu vực biên giới đã xuất hiện theo hướng đa dạng hơn và nguồn thu nhập của các hộ gia đình DTTS cũng được cải thiện hơn. Ở nhiều nơi, các tộc người đã áp dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật trong hoạt động sản xuất, trồng các loại giống mới cho năng suất cao, trồng cây công nghiệp... Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế chủ yếu ở khu vực biên giới vẫn là nông nghiệp chưa đạt trình độ kỹ thuật cao, chưa có tích lũy, phương thức tổ chức và tập quán sản xuất còn bất cập... Mặc dù cư trú xen cài, nhưng mỗi dân tộc vẫn giữ tính độc lập riêng, chưa thích ứng nhanh với cơ chế thị trường. Hiện nay, trên cả ba tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia đều có các cửa khẩu, nhưng số hộ tham gia buôn bán là người DTTS chiếm một tỷ lệ thấp so với người Kinh (Việt), kể cả việc qua lại biên giới trao đổi, buôn bán hàng hóa.

Trước khi dịch COVID-19 bùng phát, số người buôn bán và làm thuê xuyên biên giới ngày càng tăng lên, đặc biệt là khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Trong quan hệ buôn bán xuyên biên giới, khi sang nước láng giềng, họ thường mang theo các sản phẩm, mặt hàng mà thị trường nước láng giềng đang có nhu cầu. Sau khi bán lấy tiền, họ mua những mặt hàng ở bên đó với giá rẻ mang về Việt Nam để bán tại các chợ ở địa phương. Thông qua các hoạt động buôn bán xuyên biên giới, đã hình thành một mạng lưới xã

hội tộc người xuyên biên giới trong buôn bán giữa những người đồng tộc hoặc khác tộc ở Việt Nam và ở bên kia biên giới, thậm chí ở các nước khác trong khu vực hoặc xa hơn.

Một thực tế cần chú ý là, hoạt động kinh tế làm thuê xuyên biên giới của các DTTS trước khi có đại dịch COVID-19 diễn ra thường xuyên và có xu hướng gia tăng, ẩn chứa tính phức tạp của vấn đề. Di cư tự do làm thuê xuyên biên giới chủ yếu là người dân sinh sống ở các địa bàn giáp biên, có mối quan hệ với đồng tộc, thân tộc, thích tộc ở bên kia biên giới. Về sau, tham gia lao động xuyên biên giới có cả cư dân sinh sống ở các địa phương khác, các tỉnh khác, các vùng miền khác. Lao động làm thuê xuyên biên giới diễn ra ở cả ba khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia. Lúc đầu, phần lớn lao động làm thuê ở khu vực biên giới là làm cửu vạn cho những người buôn bán, hoặc làm các công việc khác vào lúc nông nhàn, theo yêu cầu tại các địa bàn giáp biên của nước láng giềng. Về sau, việc đi làm thuê xuyên biên giới của các dân tộc ở ba khu vực biên giới đã trở nên phổ biến và thường xuyên, không chỉ làm thuê ở các địa bàn giáp biên mà còn đi xa hơn vào các vùng ở sâu trong nội địa của các nước láng giềng để làm thuê. Lao động làm thuê xuyên biên giới không chỉ xuất hiện lúc nông nhàn hay theo thời vụ, mà còn diễn ra thường xuyên, cũng không bị giới hạn bởi thời gian làm ngắn hạn hay dài hạn, không chỉ làm thuê cho người đồng tộc mà còn làm thuê cho người khác tộc. Công việc làm thuê cũng rất đa dạng, bao gồm nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực khác nhau, có những việc thủ công, đơn giản (trồng

chuối, trồng dứa, phát nương, thu hoạch mía, thu hái nông sản, trồng cao su...), nhưng cũng có những việc nặng nhọc, nguy hiểm như phụ xây, đóng gạch, bốc vác hàng hóa, làm việc cho các xưởng gỗ, đào đãi vàng...<sup>(11)</sup>.

Hoạt động kinh tế làm thuê xuyên biên giới đã và đang góp phần khắc phục tình trạng thiếu việc làm, cải thiện thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, đồng thời cũng góp phần hỗ trợ chi phí cho chăm sóc sức khỏe, giáo dục... của các hộ gia đình DTTS tại địa bàn vùng biên giới. Tuy nhiên, hoạt động kinh tế làm thuê xuyên biên giới cũng để lại những tác động không mong muốn đối với sự phát triển xã hội và công tác quản lý phát triển xã hội ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta trong bối cảnh tình hình hiện nay cũng như về lâu dài. Những người di cư lao động làm thuê xuyên biên giới cũng phải đối mặt với không ít rủi ro, bị dính vào các tệ nạn xã hội, thậm chí không ít phụ nữ còn bị lừa bán vào các động mại dâm<sup>(12)</sup>.

### **3. Vấn đề sử dụng đất đai ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta**

Đất đai không chỉ là tư liệu sản xuất mà còn gắn bó chặt chẽ với sinh kế, văn hóa, không gian sinh tồn của các DTTS nước ta và ở vùng biên giới trong giai đoạn trước kia cũng như hiện nay. Đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt trong nông nghiệp và hoạt động mưu sinh của các DTTS, nên quan hệ đất đai là quan trọng nhất, có cả tác động tích cực và tiêu cực. Những mâu thuẫn, va chạm về đất đai, nhất là đất sản xuất dễ xảy ra giữa các cá nhân, các hộ gia đình trong nội bộ một dân tộc và giữa các dân tộc, giữa các dân tộc với các tổ chức.

Ngoài ba dân tộc Khmer, Chăm, Hoa cư trú chủ yếu ở vùng thấp, vùng đồng bằng, 50 DTTS còn lại sinh sống tập trung ở địa bàn vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới là những vùng có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế- xã hội, môi trường sinh thái, quốc phòng, an ninh. Tài nguyên đất ở vùng DTTS rất rộng, nhưng ở nhiều vùng, đặc biệt là vùng miền núi phía Bắc, trong đó có khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, diện tích đất có khả năng sản xuất chiếm tỷ lệ không cao, nhiều nơi địa hình bị chia cắt mạnh, độ dốc lớn, thường xuyên bị tác động của thiên tai (lũ lụt, sạt lở đất...) và biến đổi khí hậu, một số nơi chủ yếu là núi đá, đất lâm nghiệp, diện tích đất nông nghiệp rất hạn chế<sup>(13)</sup>. Đại bộ phận các DTTS nước ta, trong đó có cả ba khu vực biên giới trên đất liền đều tác động vào đối tượng sản xuất, sử dụng đất để tiến hành các hoạt động sản xuất nông nghiệp nhằm làm ra nhiều của cải vật chất đáp ứng nhu cầu của các tộc người và các hộ gia đình. Trước kia cũng như hiện nay, trồng trọt vẫn đóng vai trò chủ đạo trong hệ canh tác nông nghiệp, cây trồng chính là lúa và các cây hoa màu. Rừng và đất rừng cũng đóng vai trò rất quan trọng, vừa góp phần tạo ra sinh kế, vừa duy trì sự đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực của thảm họa thiên tai và biến đổi khí hậu, vừa phục vụ cho nhu cầu tinh thần, tâm linh của con người và các tộc người.

Trong nhiều năm qua, những tác động tích cực, to lớn của Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013 và các chính sách, các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc và miền núi, trong đó có các khu vực biên giới rất rõ



ràng và cụ thể. Các thành tựu to lớn của những chính sách đó đem lại đã góp phần hiệu quả làm cho kết cấu hạ tầng ở vùng dân tộc và miền núi, vùng biên giới phát triển nhanh, cơ cấu kinh tế các vùng DTTS có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng tích cực, diện mạo vùng dân tộc và vùng biên giới từng bước thay đổi rõ rệt, đời sống kinh tế - xã hội - văn hóa của đồng bào các dân tộc từng bước được nâng cao, công tác xóa đói giảm nghèo đa chiều đạt được những thành quả quan trọng, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh qua các năm, quyền hưởng dụng đất đai nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh kế của các hộ gia đình DTTS được đảm bảo. Ở một số nơi có điều kiện, để đảm bảo lương thực cho cư dân địa phương và để bảo vệ môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên, người dân các dân tộc còn được hỗ trợ khai hoang ruộng nước nhằm hạn chế việc đốt phá rừng làm rẫy. Tuy nhiên, để thực hiện được công việc khó khăn này đòi hỏi sự nỗ lực lớn và nhất là phải có vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm mang tính bền vững của các bên liên quan. Đồng thời, phải thấu hiểu rằng, muốn khai hoang ruộng nước thì tiền đề của nó là phải có đất để có thể khai hoang. Trong khi đó, đất có khả năng khai hoang thành ruộng nước, ruộng bậc thang ở vùng cao, vùng biên giới là rất hạn chế.

Một số kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng, một trong những vấn đề nóng bỏng, cấp thiết đặt ra tại một số địa bàn các tỉnh biên giới là tình trạng người dân thiếu đất sản xuất, khiến cho nhiều hộ gia đình phải đi làm thuê ở địa phương hoặc làm thuê cho các chủ hàng buôn bán qua biên giới. Một bộ phận đáng kể cư dân các DTTS ở vùng biên giới và ở sâu trong nội địa phải

đi làm thuê, làm ăn xa ở bên kia biên giới, chủ yếu ở Trung Quốc<sup>(14)</sup>. Khi đề cập đến nguyên nhân di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc, có nghiên cứu cho rằng, khó khăn lớn nhất trong đời sống các tộc người thiểu số có liên quan đến đất sản xuất và nguồn nước. Trong đó, "thiếu đất canh tác, đất đai bạc màu, sạt lở" là khó khăn, trở ngại lớn nhất trong đời sống kinh tế của người dân<sup>(15)</sup>. Tại nhiều nơi như vùng núi tỉnh Hà Giang, Lai Châu, Nghệ An hay một số tỉnh Tây Nguyên, thiếu đất để canh tác nông nghiệp được cư dân các DTTS cho là khó khăn hàng đầu. Rõ ràng, một bộ phận cư dân DTTS thiếu đất sản xuất hoặc không có đất gần như đồng nghĩa với không thể sản xuất lương thực và nghèo gần như là khó tránh khỏi. Điều này làm cho vùng miền núi, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn vẫn đang tiềm ẩn những bất ổn, vẫn còn khoảng cách khá xa so với các vùng khác của cả nước. Hiện tượng tranh chấp đất đai liên quan đến ranh giới các thửa đất, liên quan đến đất tôn giáo vẫn diễn ra ở một số tộc người thuộc địa bàn vùng Tây Nguyên và Tây Nam Bộ<sup>(16)</sup>.

Như chúng ta thấy, đất đai là vấn đề cốt tử của người dân các tộc người thiểu số nước ta. Trong xã hội truyền thống, mỗi tộc người đều có cách thức sử dụng và quản lý đất đai theo tập quán, luật tục, quy ước của cộng đồng hoặc dòng họ. Việc chưa chú ý đến những yếu tố đặc trưng tộc người kể trên trong quá trình thực hiện Luật đất đai ở vùng dân tộc và miền núi đã làm nảy sinh một số bất cập mà cho đến nay vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Đó cũng là những vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu để làm sáng tỏ.

#### **4. Văn hóa tộc người và văn hóa quốc gia ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta**

Tài nguyên văn hóa của các DTTS ở ba khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia là rất đa dạng, phong phú. Đó là những thành tố văn hóa cụ thể, hợp thành các dạng thức văn hóa như: văn hóa đảm bảo đời sống (văn hóa sản xuất, văn hóa sinh kế), văn hóa vật chất, văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần của mỗi dân tộc sinh sống trên các địa bàn vùng biên cương của Tổ quốc Việt Nam. Mỗi dân tộc đều có sắc thái văn hóa, góp phần tạo nên tính đa dạng, giàu bản sắc của văn hóa Việt Nam.

Văn hóa tộc người từ khởi đầu đã là một nguồn lực cho sự phát triển của các dân tộc đã và đang sinh sống tại ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta, vì đó là sản phẩm do chính các tộc người sáng tạo ra trong quá trình sinh tồn và phát triển ở vùng biên giới thông qua các hoạt động thực tiễn của mỗi tộc người. Tuy nhiên, văn hóa tộc người không phải là bất biến, mà nó luôn luôn vận động và biến đổi theo thời gian, cùng với sự phát triển của mỗi tộc người, của vùng biên giới và đất nước. Đồng thời với sự biến đổi, văn hóa của các tộc người ở vùng biên giới cũng bị ảnh hưởng bởi văn hóa của người Kinh (Việt), nhất là tại các địa bàn cư trú xen kẽ, gần các khu vực đô thị, trung tâm buôn bán, các tuyến đường giao thông, trao đổi, buôn bán... Ảnh hưởng văn hóa của dân tộc đa số đến văn hóa của các DTTS thông qua các kênh như giao lưu, tiếp xúc, truyền thông - thông tin... Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa cũng diễn ra giữa các DTTS cư trú trên một địa bàn, một khu vực, nhất

là giữa các dân tộc thuộc cùng một nhóm ngôn ngữ. Bên cạnh đó, mối quan hệ giao lưu, tiếp xúc văn hóa giữa các DTTS ở vùng biên giới phía Việt Nam với đồng tộc, khác tộc ở bên kia biên giới cũng diễn ra thường xuyên, nhất là vào dịp tham dự các lễ hội cộng đồng, qua lại biên giới thăm người thân, anh em họ hàng, thông gia, bạn bè... Động thái và xu hướng biến đổi của văn hóa tộc người ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta chịu sự tác động của những yếu tố khách quan và chủ quan, đặc biệt là từ các chính sách phát triển vùng biên cương của các nước láng giềng, trong đó cần nhấn mạnh đến sức hút mạnh mẽ từ chương trình "Hưng biên, Phú dân", chính sách đầu tư ra nước ngoài, chính sách di dân... của Trung Quốc<sup>(17)</sup>.

Văn hóa tộc người ở ba khu vực biên giới đã và vẫn luôn là một trong những nhân tố gắn kết và củng cố tính cố kết giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng, đồng thời cũng là một nguồn lực cho sự phát triển và phát triển bền vững của các dân tộc ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia. Về xu hướng, văn hóa tộc người ở ba khu vực biên giới sẽ tương tác mạnh mẽ với văn hóa quốc gia, văn hóa đại chúng và văn hóa ngoại lai, do đó sẽ tiếp tục bị biến đổi, mai một nhanh nếu thiếu giải pháp giữ gìn, phát huy các giá trị quý báu. Văn hóa quốc gia sẽ phải được tăng cường để ngăn chặn ảnh hưởng bất lợi của văn hóa ngoại lai, chủ yếu trên các phương diện ngôn ngữ, thể chế văn hóa, ý thức quốc gia - dân tộc. Văn hóa đại chúng sẽ phát triển mạnh hơn, được truyền tải chủ yếu qua truyền hình và internet, đáp ứng một phần nhu cầu đa dạng của người dân các tộc người, trong đó có nhiều

chương trình, tác phẩm bằng tiếng/ chữ dân tộc. Văn hóa ngoại lai sẽ gia tăng, chủ yếu qua phát thanh, truyền hình và internet, nên sẽ xuất hiện nhiều loại hình "văn hóa đen", ảnh hưởng đến trật tự xã hội và an ninh, quốc phòng<sup>(18,19)</sup>.

Văn hóa tộc người không đơn thuần chỉ là khái niệm. Nói tới văn hóa tộc người là nói tới yếu tố con người và các tộc người. Do vậy, nhận thức thấu đáo về mối quan hệ giữa văn hóa tộc người và phát triển bền vững, về các giá trị của văn hóa tộc người trong quản lý và phát triển xã hội, xây dựng nông thôn mới ở ba khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia sẽ có ý nghĩa sâu sắc đối với sự phát triển và phát triển bền vững của các dân tộc cũng như khẳng định vị thế, chỗ đứng và quyền bình đẳng của các dân tộc trong cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, trước những cơ hội và thách thức hiện nay.

## Kết luận

Trong bức tranh đa dạng về cơ cấu thành phần dân tộc ở Việt Nam hiện nay, các DTTS phân bố cư trú trên một phạm vi rộng lớn, nhưng chủ yếu tập trung tại địa bàn miền núi và khu vực biên giới. Nhiều DTTS ở ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta có đồng tộc, thân tộc ở các nước láng giềng, các nước khác ở châu Á và châu lục khác. Mối quan hệ xuyên biên giới/xuyên quốc gia giữa những người đồng tộc, thân tộc ở Việt Nam và các nước khác diễn ra trên nhiều lĩnh vực trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa. Mối quan hệ này chịu tác động mạnh của yếu tố văn hóa đồng tộc và chính sách vùng biên

cương của các nước láng giềng, nhất là Trung Quốc.

Vấn đề dân tộc cũng như tính phức tạp của vấn đề này ở ba khu vực biên giới ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định và phát triển bền vững của vùng biên giới nói riêng, của cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam nói chung. Đứng trước những vấn đề mới, tình hình mới của vấn đề dân tộc tại ba khu vực biên giới trên đất liền nước ta trong bối cảnh quốc tế và khu vực rất phức tạp, khó lường như hiện nay, cần phải thường xuyên củng cố và tăng cường ngày càng vững chắc tính thống nhất quốc gia - dân tộc, ý thức về Tổ quốc Việt Nam, ý thức công dân Việt Nam của đồng bào các dân tộc tại vùng biên. Đồng thời, cần hết sức chú trọng xây dựng, củng cố và phát triển vững chắc các yếu tố quốc gia tại các địa bàn vùng biên cương của Tổ quốc.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng sâu rộng, xuất phát từ tình hình thực tế của khu vực biên giới, Nhà nước cần đầu tư đủ các nguồn lực, với các chính sách và giải pháp mang tính đột phá, phát huy tiềm năng và lợi thế tại chỗ, đẩy nhanh tốc độ phát triển ở vùng biên giới, làm cho đồng bào các dân tộc nơi đây nhanh chóng thoát được nghèo, đảm bảo sinh kế bền vững, bảo tồn làm giàu và phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa tộc người phục vụ cho phát triển và phát triển bền vững./.

## CHÚ THÍCH

1. Phạm Quang Linh, Phạm Quang Hoan (2020), *Một số vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện chính sách dân tộc và phát triển bền vững tại khu vực*



biên giới Việt Nam trong bối cảnh hiện nay trong "Một số vấn đề về tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam hiện nay" (Viện Dân tộc học, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc gia, 2020), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. Phạm Hữu Dật (2015), *Các dân tộc thiểu số nước ta trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế* trong "Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay" (Phan Văn Hùng chủ biên, 2015), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.190.
3. Nguyễn Bá Thủy (1995), *Di cư tự do của các tỉnh ao Bằng, Lạng Sơn vào Đắk Lắk*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
4. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.183.
5. Phạm Quang Hoan (chủ nhiệm đề tài, 2014), *Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*, Báo cáo tổng hợp đề tài Khoa học cấp Nhà nước thuộc Chương trình Tây Nguyên 3 lưu tại Chương trình, Hà Nội.
6. Vũ Trường Giang (2018), *DI cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr. 97.
7. Vũ Trường Giang (2018), *tlđđ*, tr. 119-124.
8. Phạm Hữu Dật (2015), *tlđđ*, tr. 203.
9. Phạm Quang Linh, Phạm Quang Hoan (2020), *tlđđ*, tr.432-433.
10. Nguyễn Cao Thịnh (2015), *Vấn đề thiếu đất sản xuất và tranh chấp đất đai trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số* trong "Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay" (Phan Văn Hùng chủ biên, 2015), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 130.
11. Vũ Trường Giang (2018), *tlđđ*, tr.163.
12. Phạm Quang Linh, Phạm Quang Hoan (2020), *tlđđ*, tr.432.
13. Nguyễn Cao Thịnh (2015), *tlđđ*, tr.127.
14. Phạm Quang Linh, Phạm Quang Hoan (2020), *tlđđ*, tr.435.
15. Vũ Trường Giang (2018), *tlđđ*, tr.117.
16. Nguyễn Cao Thịnh (2015), *tlđđ*, tr.155.
17. Phạm Quang Linh, Phạm Quang Hoan (2020), *tlđđ*, tr.436.
18. Vương Xuân Tình (chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Phạm Quang Hoan và các tác giả (2013), *Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam giai đoạn 2011-2020*,

Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ lưu tại Viện Dân tộc học, Hà Nội.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hữu Dật (2015), *Các dân tộc thiểu số nước ta trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế* trong "Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay" (Phan Văn Hùng chủ biên, 2015), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Khổng Diễn (1995), *Dân số và Dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Vũ Trường Giang (2018), *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
4. Phạm Quang Hoan và các tác giả (2013), *Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ lưu tại Viện Dân tộc học, Hà Nội.
5. Phạm Quang Hoan (chủ nhiệm đề tài, 2014), *Quan hệ tộc người và chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*, Báo cáo tổng hợp đề tài Khoa học cấp Nhà nước thuộc Chương trình Tây Nguyên 3 lưu tại Chương trình, Hà Nội.
6. Phạm Quang Linh, Phạm Quang Hoan (2020), *Một số vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện chính sách dân tộc và phát triển bền vững tại khu vực biên giới Việt Nam trong bối cảnh hiện nay* trong "Một số vấn đề về tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam hiện nay" (Viện Dân tộc học, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc gia, 2020), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Thuận Quý (2015), *Quan hệ tộc người của người Khmer ở hai bên biên giới Việt Nam - Campuchia (Khu vực Tây Nam Bộ)*, Luận án Tiến sĩ Nhân học lưu tại Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Vương Xuân Tình (chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Cao Thịnh (2015), *Vấn đề thiếu đất sản xuất, đất ở và tranh chấp đất đai trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số* trong "Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay" (Phan Văn Hùng chủ biên, 2015), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Bá Thủy (1995), *Di dân tự do của các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn vào Đắk Lắk*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.